

BÀI HỌC: CÁCH PHÁT ÂM ĐUÔI "S" VÀ "ES"

Khi chúng ta thêm đuôi "s" hoặc "es" vào sau danh từ số nhiều hoặc động từ chia ở ngôi thứ ba số ít, phần đuôi này sẽ có 3 cách phát âm chính dựa vào chữ cái/âm kết thúc của từ gốc:

1. Phát âm là /s/

Quy tắc: Áp dụng cho các từ kết thúc bằng các âm/chữ cái vô thanh: th, p, k, f, t.

Mẹo câu thần chú dễ nhớ: "Thời phong kiến phương tây"

- Thời -> th (ví dụ: months)
- Phong -> p (ví dụ: stops, cups)
- Kiến -> k (ví dụ: books, likes)
- Phương -> f hoặc gh/ph phát âm là /f/ (ví dụ: roofs, laughs)
- Tây -> t (ví dụ: cats, meets)

2. Phát âm là /iz/

Quy tắc: Áp dụng cho các từ kết thúc bằng các âm gió/s/, /z/, /ʃ/, /tʃ/, /ʒ/, /dʒ/, cụ thể qua các chữ cái: s, ss, ge, c, z, ch, x, sh.

Mẹo câu thần chú dễ nhớ: "Ông Sáu sung sướng ghé công viên chạy xe sh"

- Sáu -> s (ví dụ: buses)
- Sung sướng -> ss (ví dụ: kisses, classes)
- Ghé -> ge (ví dụ: changes, oranges)
- Công -> c (ví dụ: places, dances)
- Viên -> z (ví dụ: quizzes)
- Chạy -> ch (ví dụ: watches, catches)
- Xe -> x (ví dụ: boxes, foxes)
- Sh -> sh (ví dụ: washes, dishes)

Lưu ý:

Ông → **o** (ví dụ: *potatoes, tomatoes* – mục đích để câu thần chú xuôi tai và dễ nhớ từ thêm đuôi **-es**; bản chất phát âm thuộc nhóm /z/).

3. Phát âm là /z/

Quy tắc: Áp dụng cho tất cả các trường hợp còn lại (các từ kết thúc bằng nguyên âm và các phụ âm hữu thanh khác như: b, d, g, l, m, n, r, v, y...).

Ví dụ:

- dogs /dɒgz/
- pens /penz/
- bags /bægz/
- rooms /ruːmz/

BÀI TẬP NHANH CHO BẠN

Hãy thử áp dụng mẹo để phân loại cách phát âm "s/es" của các từ sau nhé:

- books -> Kết thúc bằng k ("kiến") -> Phát âm là /s/
- boxes -> Kết thúc bằng x ("xe") -> Phát âm là /iz/
- cats -> Kết thúc bằng t ("tây") -> Phát âm là /s/
- pens -> Không thuộc nhóm 1 và 2 ("còn lại") -> Phát âm là /z/
- watches -> Kết thúc bằng ch ("chạy") -> Phát âm là /iz/

PHẦN 1: DANH SÁCH 100 TỪ THỰC HÀNH CÙNG ĐÁP ÁN VÀ GIẢI THÍCH

STT	Từ vựng	Phát âm	Giải thích
1	months	/s/	Kết thúc bằng th ('Thời') -> Phát âm là /s/
2	paths	/s/	Kết thúc bằng th ('Thời') -> Phát âm là /s/
3	baths	/s/	Kết thúc bằng th ('Thời') -> Phát âm là /s/

4	stops	/s/	Kết thúc bằng p ('Phong') -> Phát âm là /s/
5	cups	/s/	Kết thúc bằng p ('Phong') -> Phát âm là /s/
6	hopes	/s/	Kết thúc bằng p ('Phong') -> Phát âm là /s/
7	sleeps	/s/	Kết thúc bằng p ('Phong') -> Phát âm là /s/
8	maps	/s/	Kết thúc bằng p ('Phong') -> Phát âm là /s/
9	shops	/s/	Kết thúc bằng p ('Phong') -> Phát âm là /s/
10	books	/s/	Kết thúc bằng k ('Kiến') -> Phát âm là /s/
11	likes	/s/	Kết thúc bằng k ('Kiến') -> Phát âm là /s/
12	looks	/s/	Kết thúc bằng k ('Kiến') -> Phát âm là /s/
13	makes	/s/	Kết thúc bằng k ('Kiến') -> Phát âm là /s/
14	takes	/s/	Kết thúc bằng k ('Kiến') -> Phát âm là /s/
15	cooks	/s/	Kết thúc bằng k ('Kiến') -> Phát âm là /s/
16	weeks	/s/	Kết thúc bằng k ('Kiến') -> Phát âm là /s/
17	roofs	/s/	Kết thúc bằng f ('Phuong') -> Phát âm là /s/
18	beliefs	/s/	Kết thúc bằng f ('Phuong') -> Phát âm là /s/
19	chefs	/s/	Kết thúc bằng f ('Phuong') -> Phát âm là /s/

20	laughs	/s/	Kết thúc bằng gh (phát âm /f/) (‘Phuong’) -> Phát âm là /s/
21	coughs	/s/	Kết thúc bằng gh (phát âm /f/) (‘Phuong’) -> Phát âm là /s/
22	photographs	/s/	Kết thúc bằng ph (phát âm /f/) (‘Phuong’) -> Phát âm là /s/
23	cats	/s/	Kết thúc bằng t (‘Tây’) -> Phát âm là /s/
24	meets	/s/	Kết thúc bằng t (‘Tây’) -> Phát âm là /s/
25	hats	/s/	Kết thúc bằng t (‘Tây’) -> Phát âm là /s/
26	hits	/s/	Kết thúc bằng t (‘Tây’) -> Phát âm là /s/
27	gets	/s/	Kết thúc bằng t (‘Tây’) -> Phát âm là /s/
28	writes	/s/	Kết thúc bằng t (‘Tây’) -> Phát âm là /s/
29	students	/s/	Kết thúc bằng t (‘Tây’) -> Phát âm là /s/
30	bats	/s/	Kết thúc bằng t (‘Tây’) -> Phát âm là /s/
31	mats	/s/	Kết thúc bằng t (‘Tây’) -> Phát âm là /s/
32	pets	/s/	Kết thúc bằng t (‘Tây’) -> Phát âm là /s/
33	plants	/s/	Kết thúc bằng t (‘Tây’) -> Phát âm là /s/
34	potatoes	/z/	Kết thúc bằng o (‘Ông’) -> Phát âm là /z/

35	tomatoes	/z/	Kết thúc bằng o ('Ông') -> Phát âm là /z/
36	heroes	/z/	Kết thúc bằng o ('Ông') -> Phát âm là /z/
37	echoes	/z/	Kết thúc bằng o ('Ông') -> Phát âm là /z/
38	buses	/iz/	Kết thúc bằng s ('Sáu') -> Phát âm là /iz/
39	passes	/iz/	Kết thúc bằng ss ('Sungsúc') -> Phát âm là /iz/
40	kisses	/iz/	Kết thúc bằng ss ('Sungsúc') -> Phát âm là /iz/
41	classes	/iz/	Kết thúc bằng ss ('Sungsúc') -> Phát âm là /iz/
42	glasses	/iz/	Kết thúc bằng ss ('Sungsúc') -> Phát âm là /iz/
43	bosses	/iz/	Kết thúc bằng ss ('Sungsúc') -> Phát âm là /iz/
44	changes	/iz/	Kết thúc bằng ge ('Ghé') -> Phát âm là /iz/
45	oranges	/iz/	Kết thúc bằng ge ('Ghé') -> Phát âm là /iz/
46	pages	/iz/	Kết thúc bằng ge ('Ghé') -> Phát âm là /iz/
47	ages	/iz/	Kết thúc bằng ge ('Ghé') -> Phát âm là /iz/
48	villages	/iz/	Kết thúc bằng ge ('Ghé') -> Phát âm là /iz/
49	places	/iz/	Kết thúc bằng ce ('Công') -> Phát âm là /iz/
50	dances	/iz/	Kết thúc bằng ce ('Công') -> Phát âm là /iz/

51	faces	/iz/	Kết thúc bằng ce ('Cộng') -> Phát âm là /iz/
52	pieces	/iz/	Kết thúc bằng ce ('Cộng') -> Phát âm là /iz/
53	prices	/iz/	Kết thúc bằng ce ('Cộng') -> Phát âm là /iz/
54	quizzes	/iz/	Kết thúc bằng z ('Ziên') -> Phát âm là /iz/
55	prizes	/iz/	Kết thúc bằng ze ('Ziên') -> Phát âm là /iz/
56	watches	/iz/	Kết thúc bằng ch ('Chạy') -> Phát âm là /iz/
57	catches	/iz/	Kết thúc bằng ch ('Chạy') -> Phát âm là /iz/
58	matches	/iz/	Kết thúc bằng ch ('Chạy') -> Phát âm là /iz/
59	teaches	/iz/	Kết thúc bằng ch ('Chạy') -> Phát âm là /iz/
60	churches	/iz/	Kết thúc bằng ch ('Chạy') -> Phát âm là /iz/
61	boxes	/iz/	Kết thúc bằng x ('Xe') -> Phát âm là /iz/
62	foxes	/iz/	Kết thúc bằng x ('Xe') -> Phát âm là /iz/
63	fixes	/iz/	Kết thúc bằng x ('Xe') -> Phát âm là /iz/
64	mixes	/iz/	Kết thúc bằng x ('Xe') -> Phát âm là /iz/
65	washes	/iz/	Kết thúc bằng sh ('Sh') -> Phát âm là /iz/
66	dishes	/iz/	Kết thúc bằng sh ('Sh') -> Phát âm là /iz/

67	wishes	/iz/	Kết thúc bằng sh ('Sh') -> Phát âm là /iz/
68	dogs	/z/	Không thuộc nhóm 1 và 2 (âm cuối /g/) -> Phát âm là /z/
69	bags	/z/	Không thuộc nhóm 1 và 2 (âm cuối /g/) -> Phát âm là /z/
70	legs	/z/	Không thuộc nhóm 1 và 2 (âm cuối /g/) -> Phát âm là /z/
71	pens	/z/	Không thuộc nhóm 1 và 2 (âm cuối /n/) -> Phát âm là /z/
72	runs	/z/	Không thuộc nhóm 1 và 2 (âm cuối /n/) -> Phát âm là /z/
73	fans	/z/	Không thuộc nhóm 1 và 2 (âm cuối /n/) -> Phát âm là /z/
74	rooms	/z/	Không thuộc nhóm 1 và 2 (âm cuối /m/) -> Phát âm là /z/
75	comes	/z/	Không thuộc nhóm 1 và 2 (âm cuối /m/) -> Phát âm là /z/
76	names	/z/	Không thuộc nhóm 1 và 2 (âm cuối /m/) -> Phát âm là /z/
77	beds	/z/	Không thuộc nhóm 1 và 2 (âm cuối /d/) -> Phát âm là /z/
78	words	/z/	Không thuộc nhóm 1 và 2 (âm cuối /d/) -> Phát âm là /z/
79	birds	/z/	Không thuộc nhóm 1 và 2 (âm cuối /d/) -> Phát âm là /z/
80	cabs	/z/	Không thuộc nhóm 1 và 2 (âm cuối /b/) -> Phát âm là /z/
81	crabs	/z/	Không thuộc nhóm 1 và 2 (âm cuối /b/) -> Phát âm là /z/
82	clubs	/z/	Không thuộc nhóm 1 và 2 (âm cuối /b/) -> Phát âm là /z/

83	bells	/z/	Không thuộc nhóm 1 và 2 (âm cuối /l/) -> Phát âm là /z/
84	hills	/z/	Không thuộc nhóm 1 và 2 (âm cuối /l/) -> Phát âm là /z/
85	calls	/z/	Không thuộc nhóm 1 và 2 (âm cuối /l/) -> Phát âm là /z/
86	cars	/z/	Không thuộc nhóm 1 và 2 (âm cuối /r/) -> Phát âm là /z/
87	stars	/z/	Không thuộc nhóm 1 và 2 (âm cuối /r/) -> Phát âm là /z/
88	doors	/z/	Không thuộc nhóm 1 và 2 (âm cuối /r/) -> Phát âm là /z/
89	loves	/z/	Không thuộc nhóm 1 và 2 (âm cuối /v/) -> Phát âm là /z/
90	lives	/z/	Không thuộc nhóm 1 và 2 (âm cuối /v/) -> Phát âm là /z/
91	waves	/z/	Không thuộc nhóm 1 và 2 (âm cuối /v/) -> Phát âm là /z/
92	boys	/z/	Không thuộc nhóm 1 và 2 (âm cuối nguyên âm) -> Phát âm là /z/
93	toys	/z/	Không thuộc nhóm 1 và 2 (âm cuối nguyên âm) -> Phát âm là /z/
94	days	/z/	Không thuộc nhóm 1 và 2 (âm cuối nguyên âm) -> Phát âm là /z/
95	trees	/z/	Không thuộc nhóm 1 và 2 (âm cuối nguyên âm) -> Phát âm là /z/
96	bees	/z/	Không thuộc nhóm 1 và 2 (âm cuối nguyên âm) -> Phát âm là /z/
97	shoes	/z/	Không thuộc nhóm 1 và 2 (âm cuối

			nguyên âm) -> Phát âm là /z/
98	mothers	/z/	Không thuộc nhóm 1 và 2 (âm cuối /r/) -> Phát âm là /z/
99	fathers	/z/	Không thuộc nhóm 1 và 2 (âm cuối /r/) -> Phát âm là /z/
100	sisters	/z/	Không thuộc nhóm 1 và 2 (âm cuối /r/) -> Phát âm là /z/

Trong bộ 100 câu trên, có **4 câu bị lỗi logic ngữ âm học** trực tiếp liên quan đến các từ tận cùng bằng **-oes** (*tomatoes, potatoes*), dẫn đến việc chọn sai đáp án hoặc đề bài có 2 đáp án đúng:

1. Câu 43:

- Hiện tại: A. meets (/s/), B. matches (/ɪz/), C. potatoes (/z/), D. changes (/ɪz/).
- **Lỗi:** Có tới 2 từ không phải /ɪz/ (A phát âm là /s/, C phát âm là /z/), nên không thể chọn ra 1 đáp án khác biệt.

2. Câu 49:

- Hiện tại: A. kisses (/ɪz/), B. prizes (/ɪz/), C. tomatoes (/z/), D. meets (/s/).
- **Lỗi:** Có 2 đáp án khác nhóm /ɪz/ (C là /z/, D là /s/).

3. Câu 51:

- Hiện tại: A. cars (/z/), B. changes (/ɪz/), C. dishes (/ɪz/), D. tomatoes (/z/).
- **Lỗi:** Có 2 từ phát âm là /z/ (A và D), 2 từ là /ɪz/ (B và C) → Đề không có đáp án duy nhất.

4. Câu 87:

- Hiện tại: A. hills (/z/), B. bags (/z/), C. tomatoes (/z/), D. beds (/z/).
- Giải thích cũ ghi: "*tomatoes phát âm là /ɪz/ vì tận cùng là o*".
- **Lỗi:** Cả 4 từ đều phát âm là /z/.

5. Câu 96:

- Hiện tại: A. potatoes (/z/), B. foxes (/ɪz/), C. shoes (/z/), D. classes (/ɪz/).
- Giải thích cũ ghi: "*shoes phát âm là /z/ ... các từ còn lại phát âm là /ɪz/*" (coi potatoes là /ɪz/).
- **Lỗi:** Cả potatoes và shoes đều là /z/.

6. Câu 100:

- Hiện tại: A. quizzes (/ɪz/), B. boys (/z/), C. tomatoes (/z/), D. foxes (/ɪz/).
- **Lỗi:** Có 2 từ là /z/ (B, C) và 2 từ là /ɪz/ (A, D).

PHẦN SỬA LẠI ĐỀ BÀI VÀ ĐÁP ÁN (DÀNH CHO CÁC CÂU BỊ LỖI)

Dưới đây là các câu đã được thay thế từ vựng để đảm bảo **đúng 100% chuẩn ngữ âm quốc tế**, câu hỏi có duy nhất 1 đáp án đúng:

1. Đề bài sửa đổi:

- **Câu 43:** A. meets B. matches C. **watches** D. changes
- **Câu 49:** A. kisses B. prizes C. **dishes** D. meets
- **Câu 51:** A. cars B. changes C. dishes D. **foxes**
- **Câu 87:** A. hills B. bags C. tomatoes D. **cats** (hoặc giữ D là cats để tomatoes cùng nhóm /z/ với hills, bags)
- **Câu 96:** A. **boxes** B. foxes C. shoes D. classes
- **Câu 100:** A. quizzes B. boys C. **dishes** D. foxes

(Nếu muốn giữ từ **potatoes** / **tomatoes** trong đề thi để kiểm tra học sinh về nhóm /z/, ta sửa Câu 87 và tạo 1 câu chuẩn như sau:)

- **Câu 87:** A. hills B. bags C. tomatoes D. **books**

2. Đáp án và giải thích chi tiết tương ứng sau khi chuẩn hóa:

- **Câu 43: Chọn A (meets)**
Giải thích: Từ *meets* phát âm đuôi là /s/ (tận cùng bằng âm /t/). Các từ còn lại (*matches, watches, changes*) phát âm đuôi là /ɪz/.
- **Câu 49: Chọn D (meets)**
Giải thích: Từ *meets* phát âm đuôi là /s/ (tận cùng bằng âm /t/). Các từ còn lại (*kisses, prizes, dishes*) phát âm đuôi là /ɪz/.
- **Câu 51: Chọn A (cars)**
Giải thích: Từ *cars* phát âm đuôi là /z/ (tận cùng bằng âm hữu thanh /r/). Các từ còn lại (*changes, dishes, foxes*) phát âm đuôi là /ɪz/.
- **Câu 87: Chọn D (books)**
Giải thích: Từ *books* phát âm đuôi là /s/ (tận cùng bằng phụ âm vô thanh /k/). Các từ còn lại (*hills, bags, tomatoes*) đều phát âm đuôi là /z/ (lưu ý: đuôi -oes trong *tomatoes* phát âm là /z/ theo sau nguyên âm).
- **Câu 96: Chọn C (shoes)**
Giải thích: Từ *shoes* phát âm đuôi là /z/ (tận cùng bằng nguyên âm /u:/). Các từ còn lại (*boxes, foxes, classes*) phát âm đuôi là /ɪz/.
- **Câu 100: Chọn B (boys)**
Giải thích: Từ *boys* phát âm đuôi là /z/ (tận cùng bằng nguyên âm /ɔɪ/). Các từ còn lại (*quizzes, dishes, foxes*) phát âm đuôi là /ɪz/.

BẢN ĐẦY ĐỦ 100 CÂU HOÀN CHỈNH (ĐÃ SỬA CÁC LỖI TRÊN)

ĐỀ BÀI (100 CÂU)

- Câu 1: A. cats B. hills C. loves D. comes
- Câu 2: A. pages B. boys C. dishes D. foxes
- Câu 3: A. trees B. shops C. paths D. likes
- Câu 4: A. foxes B. meets C. watches D. catches
- Câu 5: A. catches B. words C. doors D. beds

Câu 6: A. comes	B. months	C. paths	D. likes
Câu 7: A. cats	B. baths	C. cabs	D. laughs
Câu 8: A. gets	B. shops	C. plants	D. toys
Câu 9: A. dogs	B. shoes	C. watches	D. rooms
Câu 10: A. cars	B. places	C. bags	D. loves
Câu 11: A. maps	B. meets	C. faces	D. laughs
Câu 12: A. stops	B. quizzes	C. dishes	D. pages
Câu 13: A. matches	B. maps	C. catches	D. boxes
Câu 14: A. doors	B. dogs	C. beds	D. hopes
Câu 15: A. paths	B. quizzes	C. washes	D. dishes
Câu 16: A. plants	B. beds	C. cooks	D. shops
Câu 17: A. laughs	B. bags	C. days	D. cars
Câu 18: A. shops	B. shoes	C. plants	D. likes
Câu 19: A. bells	B. doors	C. stars	D. oranges
Câu 20: A. villages	B. oranges	C. classes	D. maps
Câu 21: A. classes	B. villages	C. foxes	D. books
Câu 22: A. pens	B. trees	C. pets	D. toys
Câu 23: A. runs	B. loves	C. writes	D. doors
Câu 24: A. bells	B. oranges	C. cars	D. dogs
Câu 25: A. roofs	B. baths	C. gets	D. dishes
Câu 26: A. baths	B. months	C. buses	D. writes
Câu 27: A. cars	B. bags	C. toys	D. classes
Câu 28: A. boxes	B. classes	C. stars	D. changes
Câu 29: A. places	B. cooks	C. foxes	D. faces

Câu 30:	A. stars	B. beds	C. words	D. hats
Câu 31:	A. washes	B. places	C. prizes	D. chefs
Câu 32:	A. kisses	B. cats	C. maps	D. hats
Câu 33:	A. baths	B. doors	C. plants	D. gets
Câu 34:	A. rooms	B. stops	C. meets	D. plants
Câu 35:	A. hats	B. shops	C. cats	D. dogs
Câu 36:	A. catches	B. places	C. cups	D. foxes
Câu 37:	A. rooms	B. beds	C. bags	D. matches
Câu 38:	A. pets	B. matches	C. boxes	D. classes
Câu 39:	A. bags	B. villages	C. dances	D. kisses
Câu 40:	A. cooks	B. months	C. stops	D. doors
Câu 41:	A. comes	B. places	C. beds	D. bells
Câu 42:	A. rooms	B. pens	C. dances	D. cabs
Câu 43:	A. meets	B. matches	C. watches	D. changes
Câu 44:	A. paths	B. washes	C. likes	D. cats
Câu 45:	A. kisses	B. changes	C. rooms	D. places
Câu 46:	A. dances	B. baths	C. places	D. watches
Câu 47:	A. cats	B. words	C. cups	D. laughs
Câu 48:	A. maps	B. laughs	C. pages	D. baths
Câu 49:	A. kisses	B. prizes	C. dishes	D. meets
Câu 50:	A. shoes	B. beds	C. weeks	D. cars
Câu 51:	A. cars	B. changes	C. dishes	D. foxes
Câu 52:	A. laughs	B. hopes	C. roofs	D. shoes
Câu 53:	A. days	B. plants	C. rooms	D. hills

Câu 54:	A. pets	B. shops	C. writes	D. days
Câu 55:	A. roofs	B. hits	C. loves	D. books
Câu 56:	A. pets	B. foxes	C. dances	D. catches
Câu 57:	A. dances	B. baths	C. watches	D. prizes
Câu 58:	A. bells	B. hats	C. cooks	D. meets
Câu 59:	A. baths	B. cups	C. bags	D. months
Câu 60:	A. plants	B. maps	C. stars	D. hopes
Câu 61:	A. shoes	B. toys	C. cabs	D. hats
Câu 62:	A. rooms	B. oranges	C. pages	D. dishes
Câu 63:	A. cups	B. comes	C. laughs	D. paths
Câu 64:	A. meets	B. books	C. writes	D. villages
Câu 65:	A. faces	B. villages	C. pets	D. prizes
Câu 66:	A. paths	B. washes	C. meets	D. cups
Câu 67:	A. hits	B. boxes	C. roofs	D. hats
Câu 68:	A. days	B. loves	C. watches	D. beds
Câu 69:	A. bells	B. boys	C. cats	D. days
Câu 70:	A. cats	B. matches	C. places	D. catches
Câu 71:	A. faces	B. changes	C. catches	D. roofs
Câu 72:	A. cars	B. weeks	C. dogs	D. shoes
Câu 73:	A. shoes	B. hills	C. chefs	D. bells
Câu 74:	A. words	B. days	C. classes	D. rooms
Câu 75:	A. hits	B. cars	C. stops	D. hats
Câu 76:	A. hills	B. months	C. trees	D. loves
Câu 77:	A. classes	B. places	C. rooms	D. foxes

Câu 78:	A. months	B. watches	C. stops	D. pets
Câu 79:	A. gets	B. changes	C. classes	D. villages
Câu 80:	A. changes	B. cars	C. trees	D. runs
Câu 81:	A. foxes	B. cups	C. catches	D. places
Câu 82:	A. pages	B. chefs	C. roofs	D. hits
Câu 83:	A. catches	B. quizzes	C. villages	D. words
Câu 84:	A. rooms	B. pages	C. dogs	D. shoes
Câu 85:	A. bells	B. runs	C. oranges	D. rooms
Câu 86:	A. months	B. writes	C. bells	D. pets
Câu 87:	A. hills	B. bags	C. tomatoes	D. books
Câu 88:	A. hills	B. stars	C. books	D. bags
Câu 89:	A. pets	B. cups	C. washes	D. shops
Câu 90:	A. changes	B. dishes	C. quizzes	D. hills
Câu 91:	A. cabs	B. hats	C. trees	D. cars
Câu 92:	A. cups	B. weeks	C. pages	D. hits
Câu 93:	A. runs	B. meets	C. cars	D. bags
Câu 94:	A. shoes	B. boxes	C. stars	D. bells
Câu 95:	A. maps	B. loves	C. hopes	D. hats
Câu 96:	A. boxes	B. foxes	C. shoes	D. classes
Câu 97:	A. cabs	B. comes	C. stars	D. roofs
Câu 98:	A. buses	B. boxes	C. boys	D. watches
Câu 99:	A. books	B. cats	C. words	D. likes
Câu 100:	A. quizzes	B. boys	C. dishes	D. foxes

ĐÁP ÁN VÀ GIẢI THÍCH CHI TIẾT (100 CÂU)

Câu 1: Chọn A (cats) – Giải thích: Từ 'cats' phát âm là /s/ vì tận cùng là t. Các từ còn lại phát âm là /z/.

Câu 2: Chọn B (boys) – Giải thích: Từ 'boys' phát âm là /z/ vì tận cùng là nguyên âm y. Các từ còn lại phát âm là /ɪz/.

Câu 3: Chọn A (trees) – Giải thích: Từ 'trees' phát âm là /z/ vì tận cùng là nguyên âm e. Các từ còn lại phát âm là /s/.

Câu 4: Chọn B (meets) – Giải thích: Từ 'meets' phát âm là /s/ vì tận cùng là t. Các từ còn lại phát âm là /ɪz/.

Câu 5: Chọn A (catches) – Giải thích: Từ 'catches' phát âm là /ɪz/ vì tận cùng là ch. Các từ còn lại phát âm là /z/.

Câu 6: Chọn A (comes) – Giải thích: Từ 'comes' phát âm là /z/ vì tận cùng là m. Các từ còn lại phát âm là /s/.

Câu 7: Chọn C (cabs) – Giải thích: Từ 'cabs' phát âm là /z/ vì tận cùng là b. Các từ còn lại phát âm là /s/.

Câu 8: Chọn D (toys) – Giải thích: Từ 'toys' phát âm là /z/ vì tận cùng là nguyên âm y. Các từ còn lại phát âm là /s/.

Câu 9: Chọn C (watches) – Giải thích: Từ 'watches' phát âm là /ɪz/ vì tận cùng là ch. Các từ còn lại phát âm là /z/.

Câu 10: Chọn B (places) – Giải thích: Từ 'places' phát âm là /ɪz/ vì tận cùng là ce. Các từ còn lại phát âm là /z/.

Câu 11: Chọn C (faces) – Giải thích: Từ 'faces' phát âm là /ɪz/ vì tận cùng là ce. Các từ còn lại phát âm là /s/.

Câu 12: Chọn A (stops) – Giải thích: Từ 'stops' phát âm là /s/ vì tận cùng là p. Các từ còn lại phát âm là /ɪz/.

Câu 13: Chọn B (maps) – Giải thích: Từ 'maps' phát âm là /s/ vì tận cùng là p. Các từ còn lại phát âm là /ɪz/.

Câu 14: Chọn D (hopes) – Giải thích: Từ 'hopes' phát âm là /s/ vì tận cùng là p. Các từ còn lại phát âm là /z/.

Câu 15: Chọn A (paths) – Giải thích: Từ 'paths' phát âm là /s/ vì tận cùng là th. Các từ còn lại phát âm là /ɪz/.

Câu 16: Chọn B (beds) – Giải thích: Từ 'beds' phát âm là /z/ vì tận cùng là d. Các từ còn lại phát âm là /s/.

Câu 17: Chọn A (laughs) – Giải thích: Từ 'laughs' phát âm là /s/ vì tận cùng là gh phát âm /f/. Các từ còn lại phát âm là /z/.

Câu 18: Chọn B (shoes) – Giải thích: Từ 'shoes' phát âm là /z/ vì tận cùng là nguyên âm e. Các từ còn lại phát âm là /s/.

Câu 19: Chọn D (oranges) – Giải thích: Từ 'oranges' phát âm là /ɪz/ vì tận cùng là ge. Các từ còn lại phát âm là /z/.

Câu 20: Chọn D (maps) – Giải thích: Từ 'maps' phát âm là /s/ vì tận cùng là p. Các từ còn lại phát âm là /ɪz/.

Câu 21: Chọn D (books) – Giải thích: Từ 'books' phát âm là /s/ vì tận cùng là k. Các từ còn lại phát âm là /ɪz/.

Câu 22: Chọn C (pets) – Giải thích: Từ 'pets' phát âm là /s/ vì tận cùng là t. Các từ còn lại phát âm là /z/.

Câu 23: Chọn C (writes) – Giải thích: Từ 'writes' phát âm là /s/ vì tận cùng là t. Các từ còn lại phát âm là /z/.

Câu 24: Chọn B (oranges) – Giải thích: Từ 'oranges' phát âm là /ɪz/ vì tận cùng là ge. Các từ còn lại phát âm là /z/.

Câu 25: Chọn D (dishes) – Giải thích: Từ 'dishes' phát âm là /ɪz/ vì tận cùng là sh. Các từ còn lại phát âm là /s/.

Câu 26: Chọn C (buses) – Giải thích: Từ 'buses' phát âm là /ɪz/ vì tận cùng là s. Các từ còn lại phát âm là /s/.

Câu 27: Chọn D (classes) – Giải thích: Từ 'classes' phát âm là /ɪz/ vì tận cùng là ss. Các từ còn lại phát âm là /z/.

Câu 28: Chọn C (stars) – Giải thích: Từ 'stars' phát âm là /z/ vì tận cùng là r. Các từ còn lại phát âm là /ɪz/.

Câu 29: Chọn B (cooks) – Giải thích: Từ 'cooks' phát âm là /s/ vì tận cùng là k. Các từ còn lại phát âm là /ɪz/.

Câu 30: Chọn D (hats) – Giải thích: Từ 'hats' phát âm là /s/ vì tận cùng là t. Các từ còn lại phát âm là /z/.

Câu 31: Chọn D (chefs) – Giải thích: Từ 'chefs' phát âm là /s/ vì tận cùng là f. Các từ còn lại phát âm là /ɪz/.

Câu 32: Chọn A (kisses) – Giải thích: Từ 'kisses' phát âm là /ɪz/ vì tận cùng là ss. Các từ còn lại phát âm là /s/.

Câu 33: Chọn B (doors) – Giải thích: Từ 'doors' phát âm là /z/ vì tận cùng là r. Các từ còn lại phát âm là /s/.

Câu 34: Chọn A (rooms) – Giải thích: Từ 'rooms' phát âm là /z/ vì tận cùng là m. Các từ còn lại phát âm là /s/.

Câu 35: Chọn D (dogs) – Giải thích: Từ 'dogs' phát âm là /z/ vì tận cùng là g. Các từ còn lại phát âm là /s/.

Câu 36: Chọn C (cups) – Giải thích: Từ 'cups' phát âm là /s/ vì tận cùng là p. Các từ còn lại phát âm là /ɪz/.

Câu 37: Chọn D (matches) – Giải thích: Từ 'matches' phát âm là /ɪz/ vì tận cùng là ch. Các từ còn lại phát âm là /z/.

Câu 38: Chọn A (pets) – Giải thích: Từ 'pets' phát âm là /s/ vì tận cùng là t. Các từ còn lại phát âm là /ɪz/.

Câu 39: Chọn A (bags) – Giải thích: Từ 'bags' phát âm là /z/ vì tận cùng là g. Các từ còn lại phát âm là /ɪz/.

Câu 40: Chọn D (doors) – Giải thích: Từ 'doors' phát âm là /z/ vì tận cùng là r. Các từ còn lại phát âm là /s/.

Câu 41: Chọn B (places) – Giải thích: Từ 'places' phát âm là /ɪz/ vì tận cùng là ce. Các từ còn lại phát âm là /z/.

Câu 42: Chọn C (dances) – Giải thích: Từ 'dances' phát âm là /ɪz/ vì tận cùng là ce. Các từ còn lại phát âm là /z/.

Câu 43: Chọn A (meets) – Giải thích: Từ 'meets' phát âm là /s/ vì tận cùng là t. Các từ còn lại phát âm là /ɪz/.

Câu 44: Chọn B (washes) – Giải thích: Từ 'washes' phát âm là /ɪz/ vì tận cùng là sh. Các từ còn lại phát âm là /s/.

Câu 45: Chọn C (rooms) – Giải thích: Từ 'rooms' phát âm là /z/ vì tận cùng là m. Các từ còn lại phát âm là /ɪz/.

Câu 46: Chọn B (baths) – Giải thích: Từ 'baths' phát âm là /s/ vì tận cùng là th. Các từ còn lại phát âm là /ɪz/.

Câu 47: Chọn B (words) – Giải thích: Từ 'words' phát âm là /z/ vì tận cùng là d. Các từ còn lại phát âm là /s/.

Câu 48: Chọn C (pages) – Giải thích: Từ 'pages' phát âm là /ɪz/ vì tận cùng là ge. Các từ còn lại phát âm là /s/.

Câu 49: Chọn D (meets) – Giải thích: Từ 'meets' phát âm là /s/ vì tận cùng là t. Các từ còn lại phát âm là /ɪz/.

Câu 50: Chọn C (weeks) – Giải thích: Từ 'weeks' phát âm là /s/ vì tận cùng là k. Các từ còn lại phát âm là /z/.

Câu 51: Chọn A (cars) – Giải thích: Từ 'cars' phát âm là /z/ vì tận cùng là r. Các từ còn lại phát âm là /ɪz/.

Câu 52: Chọn D (shoes) – Giải thích: Từ 'shoes' phát âm là /z/ vì tận cùng là nguyên âm e. Các từ còn lại phát âm là /s/.

Câu 53: Chọn B (plants) – Giải thích: Từ 'plants' phát âm là /s/ vì tận cùng là t. Các từ còn lại phát âm là /z/.

Câu 54: Chọn D (days) – Giải thích: Từ 'days' phát âm là /z/ vì tận cùng là nguyên âm y. Các từ còn lại phát âm là /s/.

Câu 55: Chọn C (loves) – Giải thích: Từ 'loves' phát âm là /z/ vì tận cùng là v. Các từ còn lại phát âm là /s/.

Câu 56: Chọn A (pets) – Giải thích: Từ 'pets' phát âm là /s/ vì tận cùng là t. Các từ còn lại phát âm là /ɪz/.

Câu 57: Chọn B (baths) – Giải thích: Từ 'baths' phát âm là /s/ vì tận cùng là th. Các từ còn lại phát âm là /ɪz/.

Câu 58: Chọn A (bells) – Giải thích: Từ 'bells' phát âm là /z/ vì tận cùng là l. Các từ còn lại phát âm là /s/.

Câu 59: Chọn C (bags) – Giải thích: Từ 'bags' phát âm là /z/ vì tận cùng là g. Các từ còn lại phát âm là /s/.

Câu 60: Chọn C (stars) – Giải thích: Từ 'stars' phát âm là /z/ vì tận cùng là r. Các từ còn lại phát âm là /s/.

Câu 61: Chọn D (hats) – Giải thích: Từ 'hats' phát âm là /s/ vì tận cùng là t. Các từ còn lại phát âm là /z/.

Câu 62: Chọn A (rooms) – Giải thích: Từ 'rooms' phát âm là /z/ vì tận cùng là m. Các từ còn lại phát âm là /ɪz/.

Câu 63: Chọn B (comes) – Giải thích: Từ 'comes' phát âm là /z/ vì tận cùng là m. Các từ còn lại phát âm là /s/.

Câu 64: Chọn D (villages) – Giải thích: Từ 'villages' phát âm là /ɪz/ vì tận cùng là ge. Các từ còn lại phát âm là /s/.

Câu 65: Chọn C (pets) – Giải thích: Từ 'pets' phát âm là /s/ vì tận cùng là t. Các từ còn lại phát âm là /ɪz/.

Câu 66: Chọn B (washes) – Giải thích: Từ 'washes' phát âm là /ɪz/ vì tận cùng là sh. Các từ còn lại phát âm là /s/.

Câu 67: Chọn B (boxes) – Giải thích: Từ 'boxes' phát âm là /ɪz/ vì tận cùng là x. Các từ còn lại phát âm là /s/.

Câu 68: Chọn C (watches) – Giải thích: Từ 'watches' phát âm là /ɪz/ vì tận cùng là ch. Các từ còn lại phát âm là /z/.

Câu 69: Chọn C (cats) – Giải thích: Từ 'cats' phát âm là /s/ vì tận cùng là t. Các từ còn lại phát âm là /z/.

Câu 70: Chọn A (cats) – Giải thích: Từ 'cats' phát âm là /s/ vì tận cùng là t. Các từ còn lại phát âm là /ɪz/.

Câu 71: Chọn D (roofs) – Giải thích: Từ 'roofs' phát âm là /s/ vì tận cùng là f. Các từ còn lại phát âm là /ɪz/.

Câu 72: Chọn B (weeks) – Giải thích: Từ 'weeks' phát âm là /s/ vì tận cùng là k. Các từ còn lại phát âm là /z/.

Câu 73: Chọn C (chefs) – Giải thích: Từ 'chefs' phát âm là /s/ vì tận cùng là f. Các từ còn lại phát âm là /z/.

Câu 74: Chọn C (classes) – Giải thích: Từ 'classes' phát âm là /ɪz/ vì tận cùng là ss. Các từ còn lại phát âm là /z/.

Câu 75: Chọn B (cars) – Giải thích: Từ 'cars' phát âm là /z/ vì tận cùng là r. Các từ còn lại phát âm là /s/.

Câu 76: Chọn B (months) – Giải thích: Từ 'months' phát âm là /s/ vì tận cùng là th. Các từ còn lại phát âm là /z/.

Câu 77: Chọn C (rooms) – Giải thích: Từ 'rooms' phát âm là /z/ vì tận cùng là m. Các từ còn lại phát âm là /ɪz/.

Câu 78: Chọn B (watches) – Giải thích: Từ 'watches' phát âm là /ɪz/ vì tận cùng là ch. Các từ còn lại phát âm là /s/.

Câu 79: Chọn A (gets) – Giải thích: Từ 'gets' phát âm là /s/ vì tận cùng là t. Các từ còn lại phát âm là /ɪz/.

Câu 80: Chọn A (changes) – Giải thích: Từ 'changes' phát âm là /ɪz/ vì tận cùng là ge. Các từ còn lại phát âm là /z/.

Câu 81: Chọn B (cups) – Giải thích: Từ 'cups' phát âm là /s/ vì tận cùng là p. Các từ còn lại phát âm là /ɪz/.

Câu 82: Chọn A (pages) – Giải thích: Từ 'pages' phát âm là /ɪz/ vì tận cùng là ge. Các từ còn lại phát âm là /s/.

Câu 83: Chọn D (words) – Giải thích: Từ 'words' phát âm là /z/ vì tận cùng là d. Các từ còn lại phát âm là /ɪz/.

Câu 84: Chọn B (pages) – Giải thích: Từ 'pages' phát âm là /ɪz/ vì tận cùng là ge. Các từ còn lại phát âm là /z/.

Câu 85: Chọn C (oranges) – Giải thích: Từ 'oranges' phát âm là /ɪz/ vì tận cùng là ge. Các từ còn lại phát âm là /z/.

Câu 86: Chọn C (bells) – Giải thích: Từ 'bells' phát âm là /z/ vì tận cùng là l. Các từ còn lại phát âm là /s/.

Câu 87: Chọn D (books) – Giải thích: Từ 'books' phát âm là /s/ vì tận cùng là k. Các từ còn lại (*hills, bags, tomatoes*) phát âm là /z/ (lưu ý từ *tomatoes* phát âm đuôi là /z/).

Câu 88: Chọn C (books) – Giải thích: Từ 'books' phát âm là /s/ vì tận cùng là k. Các từ còn lại phát âm là /z/.

Câu 89: Chọn C (washes) – Giải thích: Từ 'washes' phát âm là /ɪz/ vì tận cùng là sh. Các từ còn lại phát âm là /s/.

Câu 90: Chọn D (hills) – Giải thích: Từ 'hills' phát âm là /z/ vì tận cùng là l. Các từ còn lại phát âm là /ɪz/.

Câu 91: Chọn B (hats) – Giải thích: Từ 'hats' phát âm là /s/ vì tận cùng là t. Các từ còn lại phát âm là /z/.

Câu 92: Chọn C (pages) – Giải thích: Từ 'pages' phát âm là /ɪz/ vì tận cùng là ge. Các từ còn lại phát âm là /s/.

Câu 93: Chọn B (meets) – Giải thích: Từ 'meets' phát âm là /s/ vì tận cùng là t. Các từ còn lại phát âm là /z/.

Câu 94: Chọn B (boxes) – Giải thích: Từ 'boxes' phát âm là /ɪz/ vì tận cùng là x. Các từ còn lại phát âm là /z/.

Câu 95: Chọn B (loves) – Giải thích: Từ 'loves' phát âm là /z/ vì tận cùng là v. Các từ còn lại phát âm là /s/.

Câu 96: Chọn C (shoes) – Giải thích: Từ 'shoes' phát âm là /z/ vì tận cùng là nguyên âm e. Các từ còn lại phát âm là /ɪz/.

Câu 97: Chọn D (roofs) – Giải thích: Từ 'roofs' phát âm là /s/ vì tận cùng là f. Các từ còn lại phát âm là /z/.

Câu 98: Chọn C (boys) – Giải thích: Từ 'boys' phát âm là /z/ vì tận cùng là nguyên âm y. Các từ còn lại phát âm là /ɪz/.

Câu 99: Chọn C (words) – Giải thích: Từ 'words' phát âm là /z/ vì tận cùng là d. Các từ còn lại phát âm là /s/.

Câu 100: Chọn B (boys) – Giải thích: Từ 'boys' phát âm là /z/ vì tận cùng là nguyên âm y. Các từ còn lại phát âm là /ɪz/.